

ĐẠI GIỚI ĐÀN PHÁP LOA 2017

LƯU Ý:

Những nội dung được trình bày dưới đây chỉ là tài liệu tham khảo. Giới tử phải tự nghiên cứu và học thêm để có câu trả lời chính xác của riêng của mình

PHẦN THI DÀNH CHO GIỚI TỬ TỶ-KHEO NI

NỘI DUNG

SƠ LƯỢC VỀ THIÊN SƯ PHÁP LOA	2
A. THI KHẢO HẠCH	4
I. GIÁO LÝ CĂN BẢN.....	4
II. KINH	5
III. LUẬT.....	7
IV. LỊCH SỬ.....	9
B. TỤNG LUẬT (tụng 4 cuốn Luật Trường hàng)	11
C. THI TỰ LUẬN (khi thi viết sẽ phát đề).....	11

SƠ LƯỢC VỀ THIỀN SƯ PHÁP LOA TRONG PHẬT GIÁO ĐỜI TRẦN

Vào TK thứ 13 ở Việt Nam, vua Trần Nhân Tông, một bậc minh quân tài đức vẹn toàn, uyên thâm Phật pháp, đã tu hành đạt đạo, hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà. Ngài là sáng Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử với Tông chỉ “phản quan tự kỷ bản phận sự bất tùng tha đắc” và một bản sắc riêng của dòng thiền Trúc Lâm nước Việt là: Thiền-Giáo song hành.

Phật giáo đời Trần đã trở thành quốc giáo vì một tinh thần Trúc Lâm phóng khoáng, tự tại viên dung, luôn khế hợp với lòng người và đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử của nước nhà,...Đến thập niên 70 của TK 20, HT Thiền sư Thích Thanh Từ bảy giờ dốc lòng dụng tâm tu tập, sáng lại nguồn tâm, đã dày công gây dựng lại Tông phong Trúc Lâm và nối truyền mạng mạch Yên Tử cho đến ngày nay.

Như vậy, sơ Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một ông vua Phật, đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Ngài đã truyền Tổ vị cho Thiền sư Pháp Loa, và kế thừa Pháp vị là tam Tổ Huyền Quang.

Thiền sư Pháp Loa sinh năm 1284 tại Lưỡng Giang (Hải Dương), thế danh là Đồng Kiên Cương, xuất gia với Hương Vân Đại Đầu Đà, pháp danh là Thiệnlai. Đến khi Ngài tu hành đắc lực, sáng được bản tâm, sơ Tổ Trúc Lâm ban cho đạo hiệu là Pháp Loa- ấy nghĩa là hàng phục ma chướng, vâng tập đại chúng,...và hữu duyên rộng truyền chánh pháp. Đến năm 1330, Tổ sư Pháp Loa đã an nhiên thị tịch. Tuy trụ thế 47 năm, nhưng Tổ đã để lại cho nền Phật giáo nước nhà cả một sự nghiệp vô cùng lớn lao:

- Phụng chiếu khắc bản gỗ ấn bản Đại tạng kinh đầu tiên ở Việt Nam vào thời Trần (1319), tái bản năm 1329. Khắc bản gỗ ấn bản “Tứ phần luật” năm 1322. (Nguyễn Lang, VNPGSL...)
- Lần đầu tiên ở Việt Nam, văn phòng Trung Ương Giáo hội Phật giáo (chùa Vĩnh Nghiêm ở Lưỡng Giang) đã lưu trữ hồ sơ quản lý tự viện, định chức và cấp sổ bộ cho Tăng ni. (Nguyễn Lang, VNPGSL...)
- Cùng các công trình văn hóa, kiến trúc, v.v... Ngài đã để lại nhiều tác phẩm Thiền học có tầm vóc như: Tham Thiền Yếu Chỉ, Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục, v.v... và những hành trạng Tổ sư còn được lưu truyền.

Tất cảnh hững thành quả trên đã đưa Phật giáo thời Trần đến một đỉnh cao mới. Trên con đường Bồ-tát đạo, Ngài đã phát nguyện: "...chư Phật và Bồ-tát có những công hạnh nào, con nguyện thiết tha cầu học và làm theo. Dù chúng sanh có khen chê, khinh trọng, dù bố thí hay xâm đoạt, khi mắt thấy tai nghe cũng đều xin cứu độ, khiến cho tất cả đều tiến lên nấc thang giác ngộ, v.v..." (Tam Tổ Thực Lục)

Phương pháp nhiếp tâm (Tịnh giới) của Tổ sư Pháp Loa là: ... trong hai mươi bốn giờ, ngoài dứt các duyên, trong tâm không dấy động. Tâm không dấy động nên cảnh đến vẫn an nhàn. Mắt không vì cảnh khởi phân biệt, thức không vì pháp trần mà dính mắc. Ra vào không giao thiệp gọi là ngăn dừng. Tuy gọi ngăn dừng mà chẳng phải ngăn dừng. Nên biết tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là giới Đại thừa, gọi là giới Vô thượng, cũng gọi là giới Vô đẳng đẳng. Tịnh giới này dù Tiểu tăng cho đến Đại tăng đều nên phải gìn giữ. (Tam Tổ Thực Lục - HT. Thiền sư Thích Thanh Từ dịch)

Trước lúc viên tịch, Tổ viết kệ:

*Muôn duyên cắt đứt một thân nhàn,
Hơn bốn mươi năm giấc mộng tràng,
Nhấn bảo mọi người thôi chớ hỏi,
Bên kia trăng gió rộng thênh thang.*

(Thanh Từ Toàn Tập, tập 27)

 Lưu ý:

- Giám khảo sẽ hỏi thêm về Thiền sư Pháp Loa trong bài “SƠ LƯỢC” trên.
- Trong ba môn (Thi Khảo Hạch, Thi Tụng Luật, Thi Tự Luận), điểm của mỗi môn cao nhất là 20, tổng điểm của ba môn từ 30 trở lên thì đạt yêu cầu.

A. THI KHẢO HẠCH

Giới tử thi khảo hạch 4 môn: 1. Giáo lý căn bản; 2. Kinh; 3. Luật; 4. Lịch sử. Mỗi môn có 5 câu hỏi, giám khảo chỉ hỏi 1 câu, mỗi câu cao nhất được 5 điểm.

Phản đáp án chỉ mang tính gợi ý, giới tử cần tham khảo thêm để câu trả lời được phong phú và đầy đủ hơn.

I. GIÁO LÝ CĂN BẢN

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- Thế nào là “Vôthường”?

Trả lời

- *Vôthường là dịch âm từ chữ Hán. “Vô” là không, “thường” là thường còn. Vô thường có nghĩa là tất cả vạn sự, vạn vật trên thế gian, không có một vật nào là thường còn mãi mãi, mà phải tuân theo quy luật luân hồi của nhân sinh và thế giới, đó là: sanh, lão, bệnh, tử hay thành, trụ, hoại, không (sanh, trụ, dị, diệt).*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Thế nào là Vôthường đối với Nhânsinhquan?

Trả lời

- *Nhânsinhquan Phật giáo là quan điểm của Phật giáo về các loài hữu tình nói chung, nhưng trọng tâm là nói về con người. Tất cả các loài hữu tình đều phải tuân theo quy luật vôthường, đó là: sanh, lão, bệnh, tử.*

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Thế nào là Vôthường đối với Thêgiớiquan?

Trả lời

- *Thêgiớiquan Phật giáo là quan điểm của Phật giáo về các loài vô tình như: núi sông, vạn vật. Tất cả các vật ấy cũng phải chịu sự chi phối của quy luật vôthường, đó là: sanh, trụ, dị, diệt.*

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Thế nào là Vôthường đối với Vũ trụ quan?

Trả lời

- *Vũ trụ quan Phật giáo là quan điểm của Phật giáo về tất cả nhân sinh và thế giới, bao gồm cả thời gian và không gian trong vũ trụ. Hết thảy vũ trụ cũng phải chịu chung quy luật vô thường, đó là: thành, trụ, hoại, không.*

5. Câu hỏi 5(5 điểm)

- *Hãy kể tên Thập thiện và Thập sử. Khi Thập thiện và Thập sử tích tụ lại sẽ đưa chúng sinh đi về đâu?*

Trả lời

- *Thập thiện là: 1. Vô tà; 2. Vô quý; 3. Tật đố; 4. San; 5. Hối; 6. Thùy miên; 7. Trạo cử; 8. Hôn trầm; 9. Phẫn; 10. Phú.*
- *Thập sử là: 1. Tham; 2. Sân; 3. Si; 4. Mạn; 5. Nghi; 6. Thân kiến; 7. Biên kiến; 8. Tà kiến; 9. Kiến thủ; 10. Giới cấm thủ.*
- *Thập thiện và Thập sử tích tụ, khiến cho chúng sanh mê muội, làm chấp thân tâm này là thật nên mãi ràng buộc trong sanh tử luân hồi.*

II. KINH

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- *Tứ y pháp là gì? Hãy kể tên.*

Trả lời

- *Tứ y là 4 phương pháp thực tập sự nương tựa (y cứ) dẫn đến giác ngộ giải thoát, đó là:*
1. Y pháp bất y nhân, 2. Y nghĩa bất y ngữ.
3. Y trí bất y thức, 4. Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh.

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- *Liễu nghĩa kinh và bất liễu nghĩa kinh khác biệt thế nào?*

Trả lời

- *Liễu nghĩa kinh là kinh chỉ thẳng chân tâm, Phật tánh, do đức Phật diễn nói để minh tâm kiến tánh cho hàng đại căn, đại trí, như: kinh Bát Nhã, kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, v.v...*
- *Bất liễu nghĩa kinh là kinh chỉ các pháp môn phương tiện ban đầu, do đức Phật diễn nói để dẫn dắt hàng sơ cơ tu trì, khi thuần thục mới nhận ra được*

chân tâm, Phật tánh của chính mình, như: kinh A-Hàm, v.v...

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Hãy kể tên 10 điều giới trong pháp Thập thiện. Tu pháp Thập thiện được sanh về đâu?

Trả lời

- Mười điều giới trong pháp Thập thiện là:
 - Thân có 3 nghiệp lành: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.
 - Khẩu có 4 nghiệp lành: không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời hung ác.
 - Ý có 3 nghiệp lành: không tham lam, không sân hận, không si mê.
- Tu pháp Thập thiện được sanh về cõi trời.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Vì sao đã thành bậc Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác mà đức Phật vẫn thường hay tọa thiền?

Trả lời

- Đức Phật vẫn thường hay tọa thiền vì 3 nguyên nhân chính sau đây:
 - Thứ nhất là: đức Phật thường tọa thiền để tự điều thân.
 - Thứ hai là: đức Phật muốn răn nhắc hàng đệ tử về sau thường tinh tấn tọa thiền.
 - Thứ ba là: vì 3 đời chư Phật đều do pháp môn Thiền định mà được thành đạo.

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Kinh điển của đạo Phật được kết tập mấy lần?

Trả lời

- Kinh điển của đạo Phật được kết tập 4 lần:
 - Lần thứ nhất: do ngài Ca-diếp cùng 500 vị Đại Tỷ-kheo A-la-hán kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn 3 tháng).
 - Lần thứ hai: do ngài Da-xá cùng 700 vị Đại Tỷ-kheo A-la-hán kết tập (sau khi đức Phật nhập Niết-bàn khoảng 100 năm).

- *Lần thứ ba: do vua A-dục khởi xướng, ngài Mục-kiền-liên-đế-tu cùng 999 vị Đại Tỳ-kheo A-la-hán kết tập (sau khi đức Phật Niết-bàn khoảng 300 năm).*
- *Lần thứ tư: do vua Ca-nị-sắc-ca khởi xướng, ngài Hiệp Tôn giả và Thế Hữu cùng 500 vị Bồ-tát, 500 vị Tỳ-kheo, 500 vị cư sĩ kết tập (sau khi đức Phật Niết-bàn khoảng 600 năm)*

III. LUẬT

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- Thế nào là khai, giá, trì, phạm; danh, chủng, tánh, tướng?

Trả lời

- *Khai: là mở ra, là cho làm.*
- *Giá: là ngăn cấm, là không cho làm.*
- *Trì: là giữ gìn, như thọ giới thì phải trì giới luật cho thanh tịnh.*
- *Phạm: là vi phạm, như thọ giới mà không trì giới cho thanh tịnh thì tức là phạm.*
- *Danh: là tên chỉ cho mỗi giới, như không nên sát sanh, không nên trộm cắp, ...*
- *Chủng: là chủng loại hay nhóm giới, như “giới trọng,” “giới khinh.”*
- *Tánh: là tâm tánh, là tánh chất bên trong; như giữ gìn giới luật để tâm tánh được thanh tịnh.*
- *Tướng: là hình tướng bên ngoài; như giữ gìn giới luật để không vi phạm những điều ác.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Vì sao đức Phật chưa muốn cho người nữ xuất gia?

Trả lời

- *Đức Phật chưa muốn cho người nữ xuất gia vì 3 nguyên nhân chính sau đây:*
 - *Thứ nhất là: do xã hội và do truyền thống của các Tôn giáo đương thời ở Ấn Độ chưa chấp nhận cho người nữ được xuất gia.*

- Thứ hai là: do tập khí người nữ yếu mềm, thường thiên về tình cảm, ưa thay đổi, v.v
- Thứ ba là: do Tăng sĩ thường ở nơi rừng núi, có nhiều thú dữ, trộm cướp...

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Ngài A-nan đã cầu thỉnh đức Phật cho người nữ xuất gia như thế nào?

Trả lời

- Ngài A-nan đã nhiều lần cầu thỉnh Phật cho người nữ xuất gia, Ngài đã nhiều lần nhắc lại công ơn nuôi dưỡng của di mẫu đối với đức Phật thời thơ ấu. Từ sự thỉnh cầu rất khẩn thiết và chân thành của ngài A-nan, nên sau cùng, đức Phật đã chấp thuận, nhưng ngài chế ra Bát Kinh Pháp để cho Ni chúng y theo đó mà giữ gìn mới được thanh tịnh mà tiến tu.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Hãy trình bày về Bát Kinh Pháp

Trả lời

- Bát Kinh Pháp bao gồm 8 pháp như sau:

1. Một Tỷ-kheo Ni, dầu có trăm tuổi hạ, khi gặp thầy Tỷ-kheo mới thọ giới Cụ-túc cũng phải chào hỏi, đánh lễ và thực hành tất cả những bổn phận thích nghi đối với vị thầy Tỷ-kheo.
2. Một Tỷ-kheo Ni không được khiển trách hay nặng lời đối với một vị thầy Tỷ-kheo trong bất kỳ trường hợp nào.
3. Tỷ-kheo Ni không được ngăn thầy Tỷ-kheo xét tội, thuyết giới, tụng kinh hay nói lỗi của thầy Tỷ-kheo. Trái lại, thầy Tỷ-kheo được quyền cử tội Tỷ-kheo Ni.
4. Muốn thọ trì Cụ-túc giới phải thông qua 2 bộ Tăng: Tỷ-kheo và Tỷ-kheo Ni.
5. Nếu Tỷ-kheo Ni phạm tội hữu dư (Tăng tàn) thì phải đến trước 2 bộ Tăng thực hành pháp Ý hỷ (Ma-na-đỏa) trong thời gian nửa tháng.
6. Nửa tháng phải đến bên Tỷ-kheo Tăng cầu cầu dạy bảo.
7. Không được an cư kiết hạ nơi địa phương nào không có thầy Tỷ-kheo ở.
8. Khi an cư xong, phải đến Tỷ-kheo Tăng cầu 3 sự tụng: thấy, nghe và

nghi.

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Thế nào là Thức-xoa-ma-na Ni? Thức-xoa-ma-na Ni có mấy điều giới? Vì sao giới luật của Tỳ-kheo Ni nhiều hơn giới luật của Tỳ-kheo Tăng (Tỳ-kheo Tăng chỉ có 250 giới, còn Tỳ-kheo Ni thì 348 giới).

Trả lời

- *Thức-xoa-ma-na Ni là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Nữ học giới. Có tất cả là 298 giới, gồm có: 4 giới căn bản; 6 học pháp; 188 hành giới; 100 hành pháp.*
- *Vì người nữ tạo nghiệp ác nhiều hơn người nam nên phải giữ nhiều giới luật hơn. (về căn bản, người nam chỉ phạm 250 điều ác, còn người nữ phạm 348 điều ác nên Phật chế ra giới điều tương ứng như vậy).*

IV. LỊCH SỬ

1. Câu hỏi 1 (5 điểm)

- Đức Phật đản sanh ở đâu, vào ngày, tháng, năm nào? Lúc mới đản sanh, Ngài có tên là gì, là con của ai, thuộc giai cấp nào?

Trả lời

- *Đức Phật đản sanh ở thành Ca-tỳ-la-vệ, phía Bắc Trung Ấn, Ngài sanh vào ngày 15/4 âm lịch, năm 625 trước Công Nguyên. Đại hội Phật giáo năm 1960 thống nhất là ngày 15/4 âm lịch*
- *Lúc mới đản sanh, Ngài có tên là Tất-đạt-đa, là con của vua Tịnh-phạn và hoàng hậu Ma-da, thuộc giai cấp Sát-đế-lợi.*

2. Câu hỏi 2 (5 điểm)

- Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia vào ngày nào? Lúc Ngài bao nhiêu tuổi? Vì sao Thái tử Tất-đạt-đa đang sống trong cung vàng điện ngọc mà muốn vượt thành đi xuất gia?

Trả lời

- *Theo sử liệu Bắc truyền, Thái tử xuất gia ngày 08/02 âm lịch, khi Ngài 19 tuổi. Theo sử liệu Nam truyền là ngày 15/4 âm lịch, khi Ngài 29 tuổi.*
- *Vì Ngài ấn tượng trong ngày lễ Hạ-điền, chứng kiến bốn cảnh khổ (sanh,*

già, bệnh, chết) của nhân sinh khi dạo chơi nơi 4 cửa thành, và đặc biệt là Ngài nhìn thấy hình ảnh vị Sa-môn với dung nghi siêu trần, thoát tục, Ngài vô cùng kính ngưỡng. Tất cả những ấn tượng ấy đã thôi thúc Thái tử sớm tìm đường giải thoát, để rồi cuối cùng, Ngài quyết tâm xuất gia tìm đạo.

3. Câu hỏi 3 (5 điểm)

- Thái tử Tất-đạt-đa đã tu pháp môn nào mà thành Phật? Thái tử thành Phật vào lúc nào, khi Ngài bao nhiêu tuổi?

Trả lời

- Thái tử Tất-đạt-đa đã tu pháp môn Thiên định mà thành Phật.
- Theo sử liệu Bắc truyền, sau khi Ngài chiến thắng tất cả nội ma, ngoại chướng, rạng sáng ngày 08/12 âm lịch, Ngài chứng quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Khi đó, Ngài 30 tuổi. Theo sử liệu Nam truyền là ngày 15/4 âm lịch. Khi đó, Ngài 35 tuổi.

4. Câu hỏi 4 (5 điểm)

- Đại Tạng kinh Phật được chia làm mấy phần? Tổng cộng có bao nhiêu bộ và bao nhiêu quyển? Kinh Phật được kết tập thành bao nhiêu thể loại? Gồm có những thể loại gì? Trải qua bao nhiêu pháp hội?

Trả lời

- Theo Phật Quang Đại Từ Điển, Đại Tạng kinh Phật gồm Toàn Tạng, chia làm 2 phần (Chánh Tạng và Tục Tạng). Tổng cộng có 2.920 bộ, gồm 11.970 quyển.
- Kinh Phật được kết tập thành 12 thể loại, bao gồm: Trường hàng, Trung tụng, Cô khởi, Thí dụ, Nhân duyên, Tự thuyết, Bốn sanh, Bốn sự, Vị tăng hữu, Luận nghị, Phương quảng, Kí biệt. Trải qua trên 300 Pháp hội.

5. Câu hỏi 5 (5 điểm)

- Đức Phật nhập Niết-bàn khi nào? Ở đâu? Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập vào năm nào? Gồm bao nhiêu Tông phái và Hệ phái? Hãy kể tên.

Trả lời

- Theo sử liệu Bắc truyền, đức Phật nhập Niết-bàn vào ngày 08/02 âm lịch, theo sử liệu Nam truyền là vào ngày 15/4 âm lịch. Tại rừng Sa-la

(Songthọ), thuộc thành Câu-thi-na.

- *Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập ngày 07/11/1981, gồm 3 Tông phái chính: Nam tông, Bắc tông và Khất sĩ, trong đó có 9 Hệ phái.*

B. TỤNG LUẬT(tụng 4 cuốn Luật Trường hàng)

C. THI TỰ LUẬN(khi thi viết sẽ phát đề)